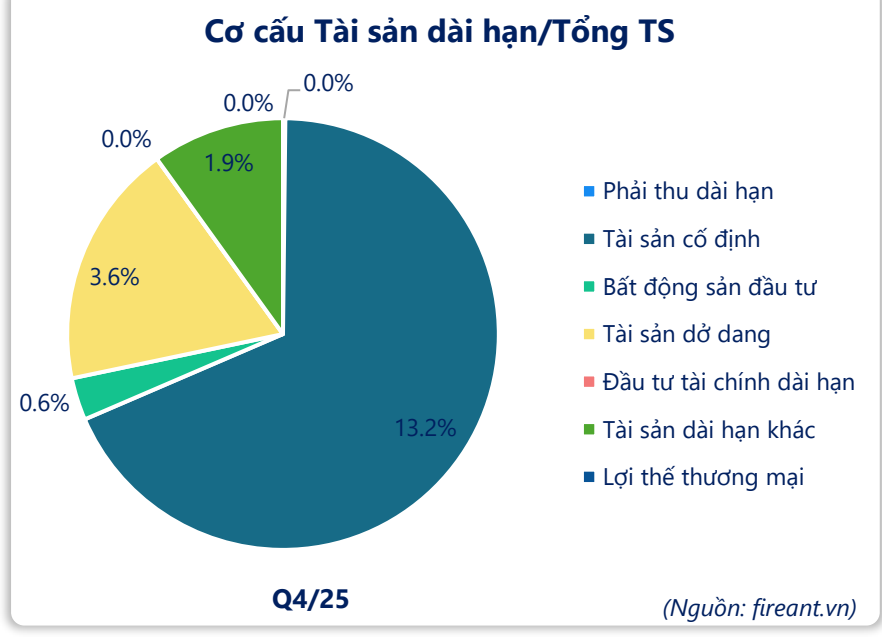
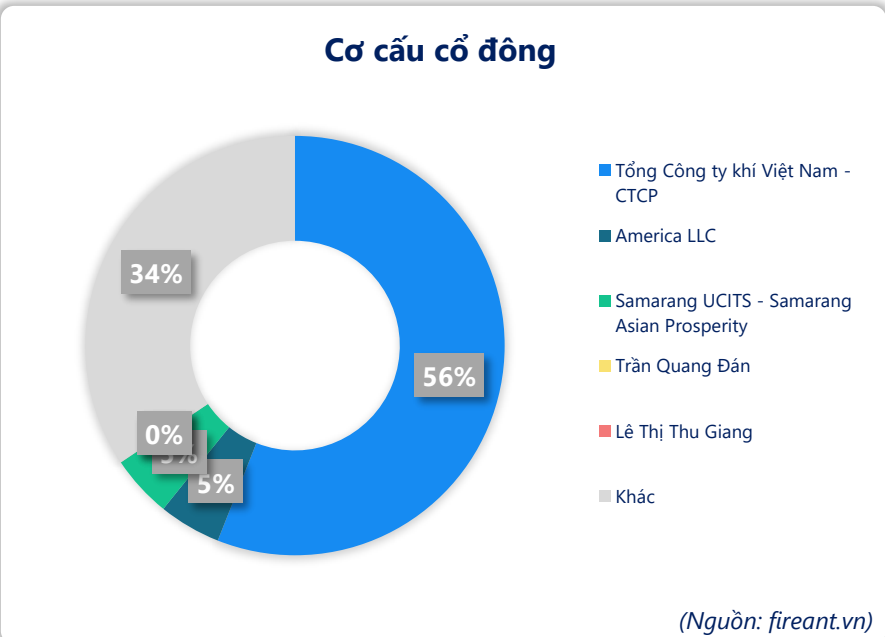
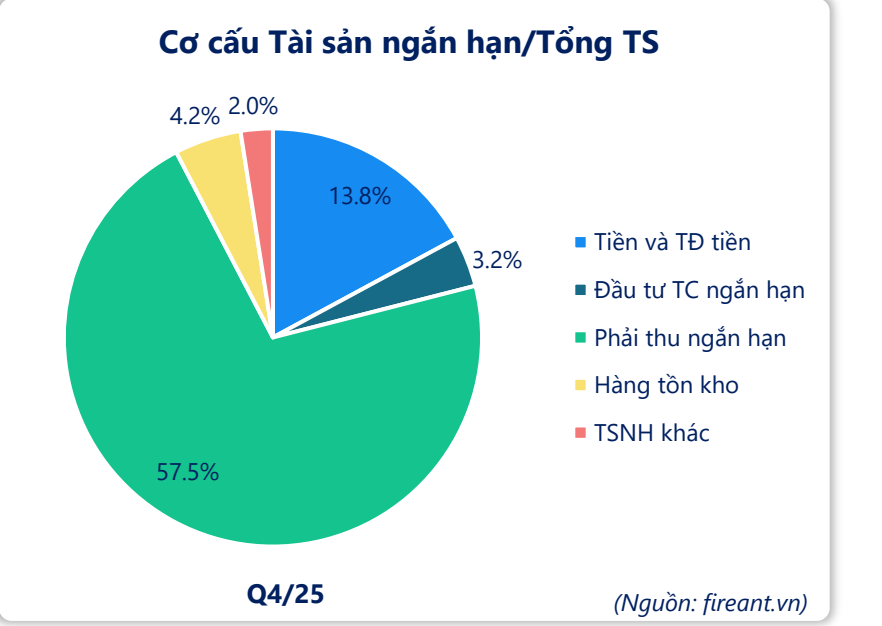
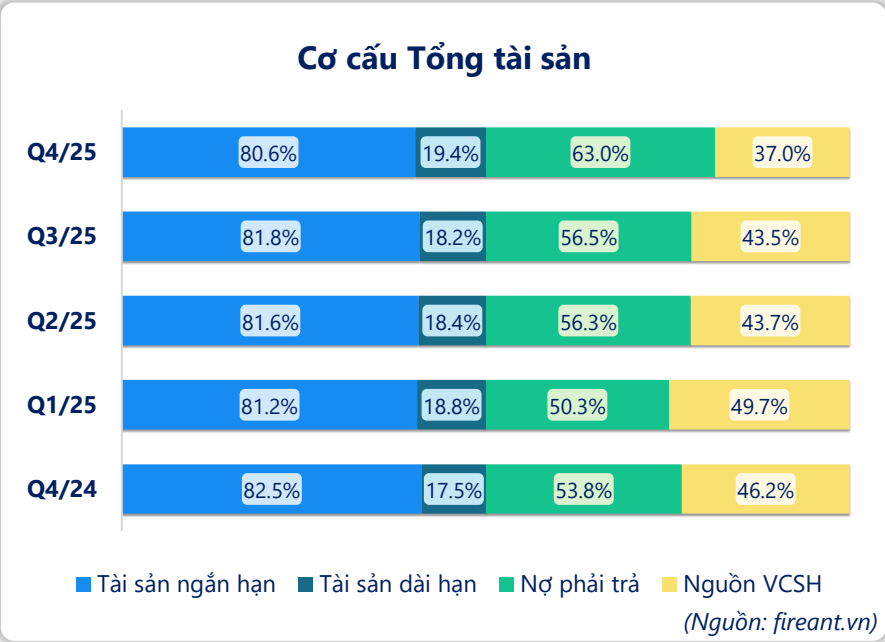
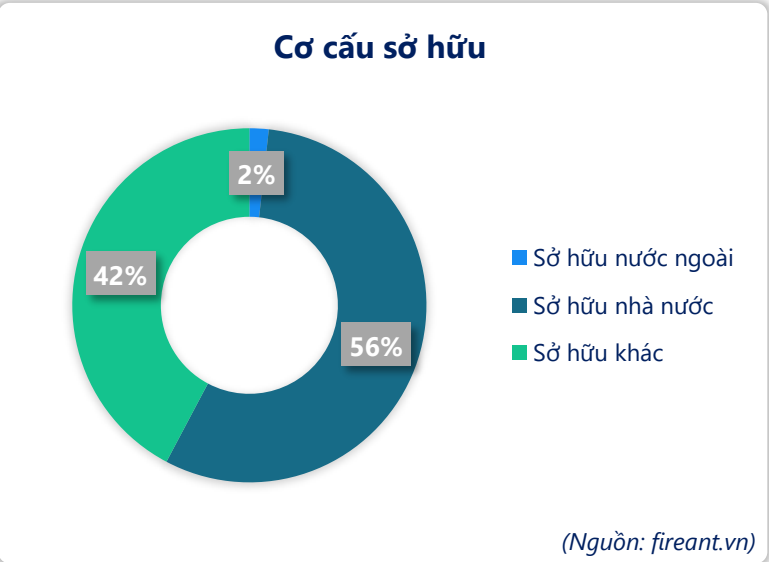
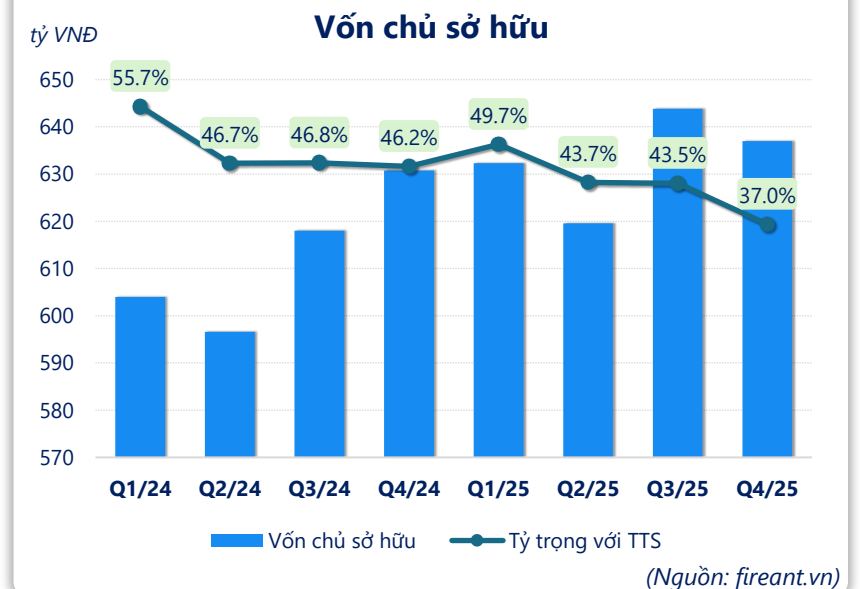
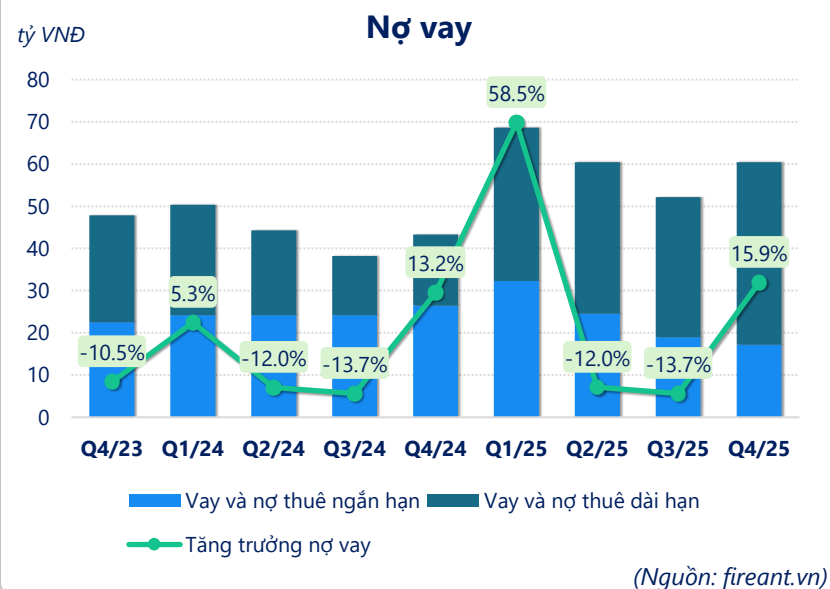
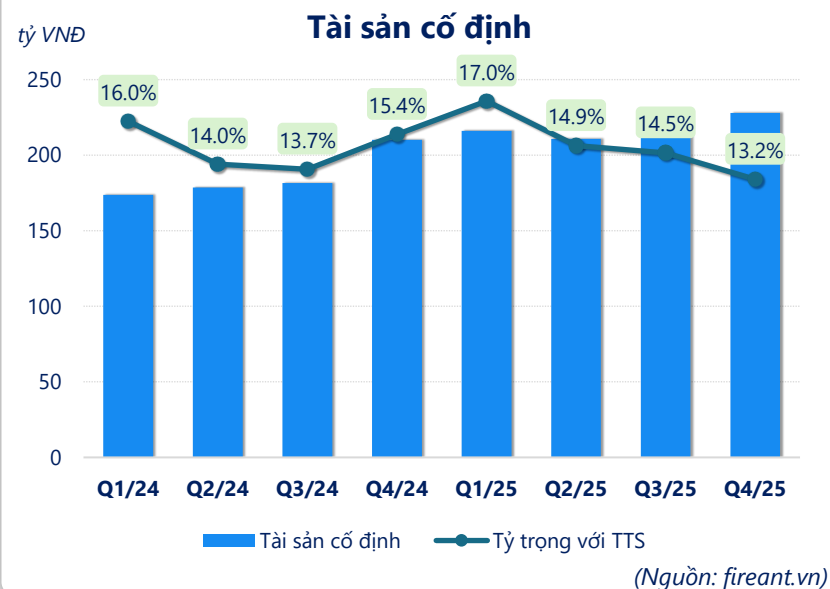
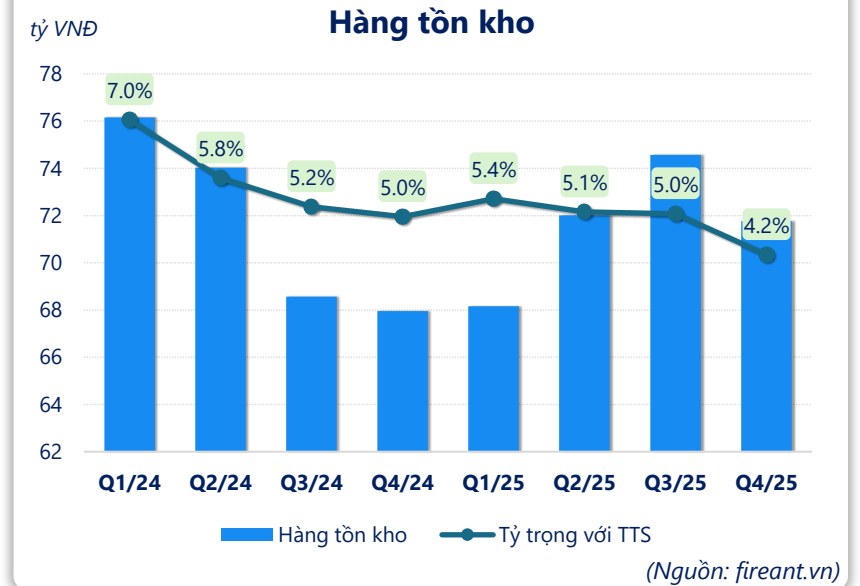
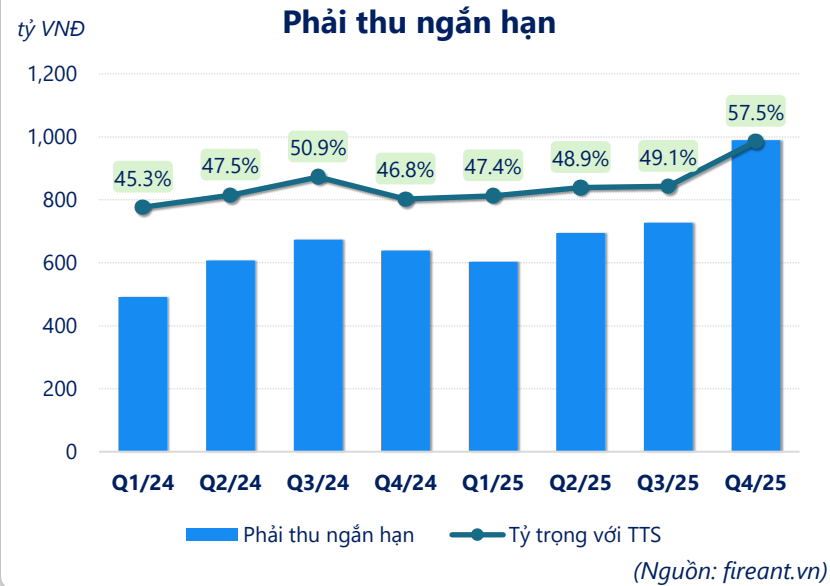
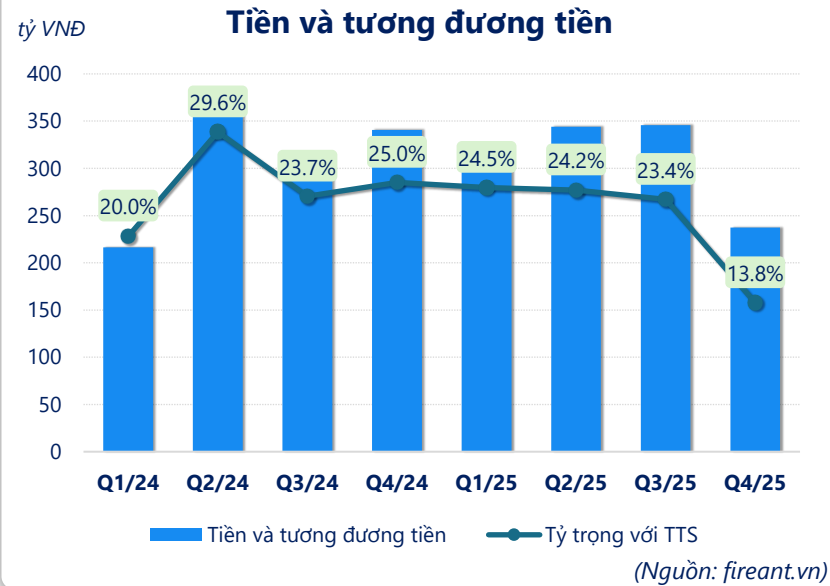
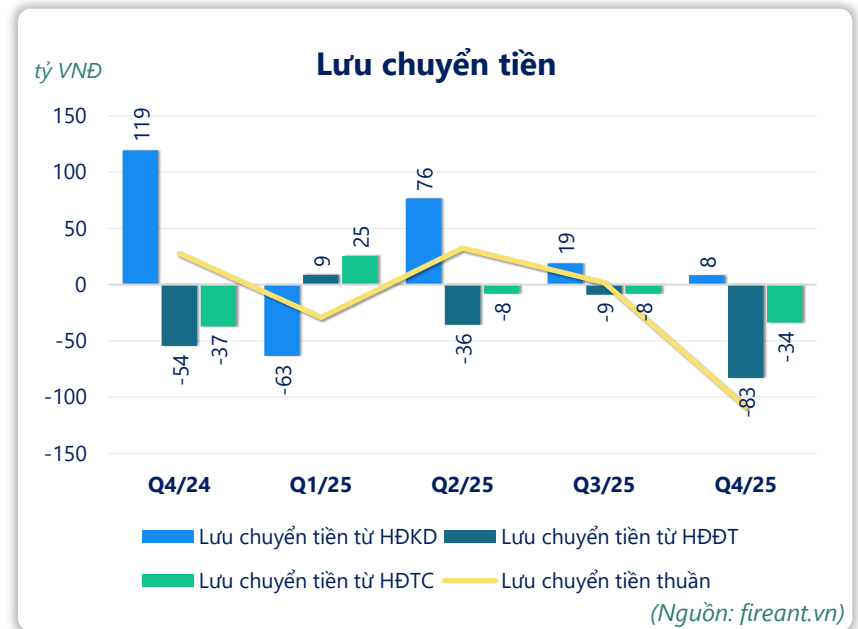
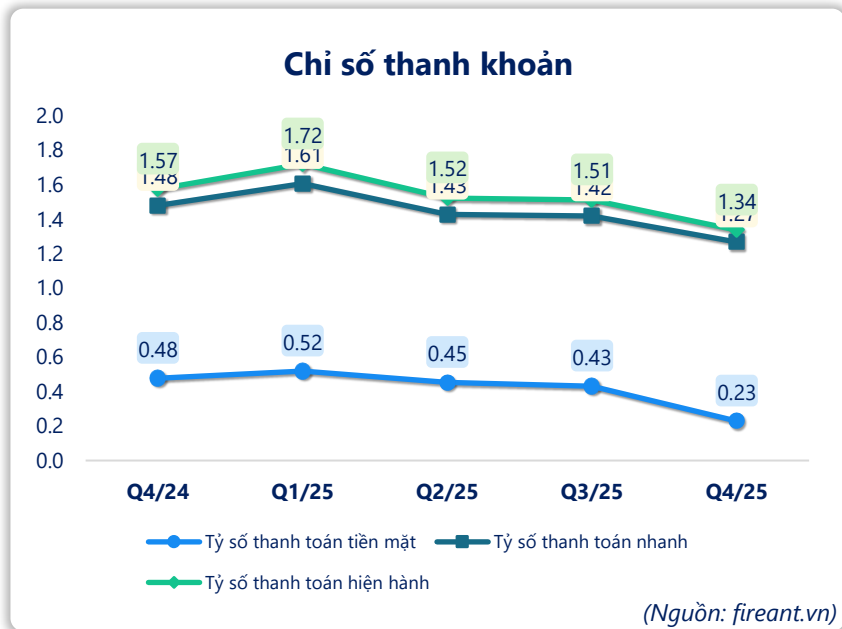
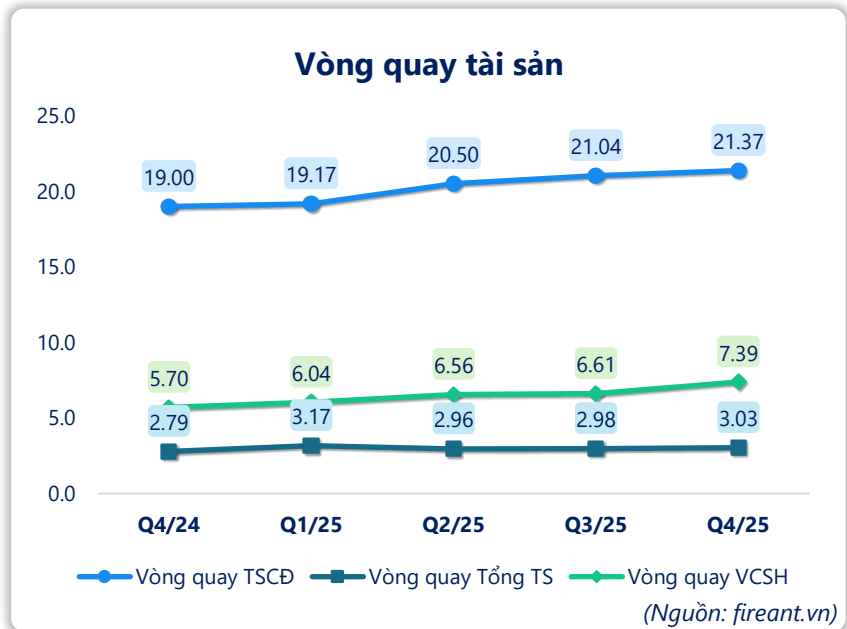
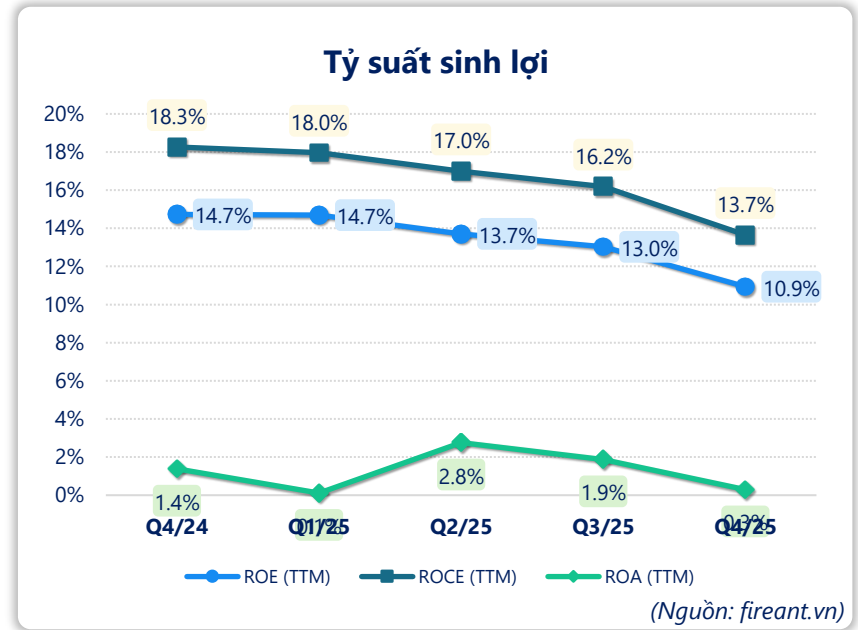
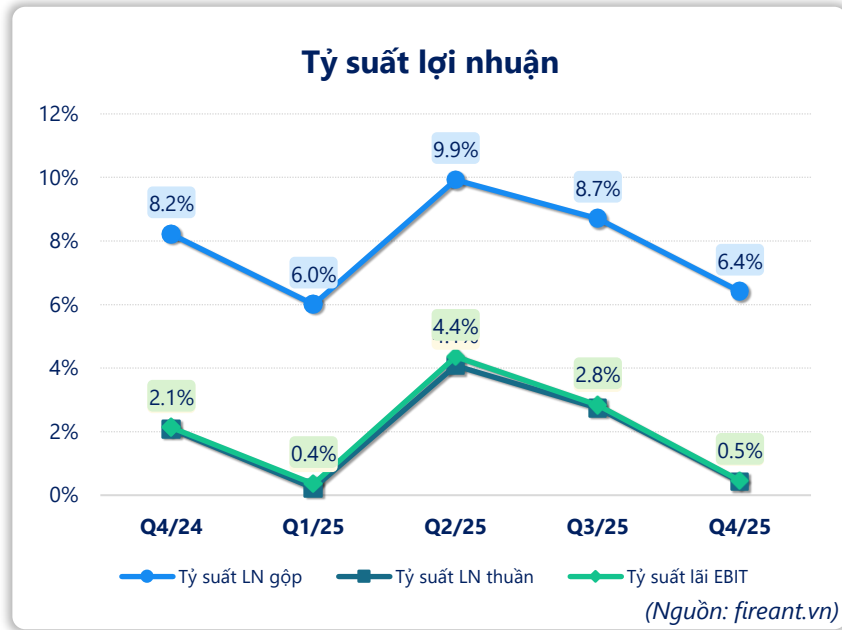
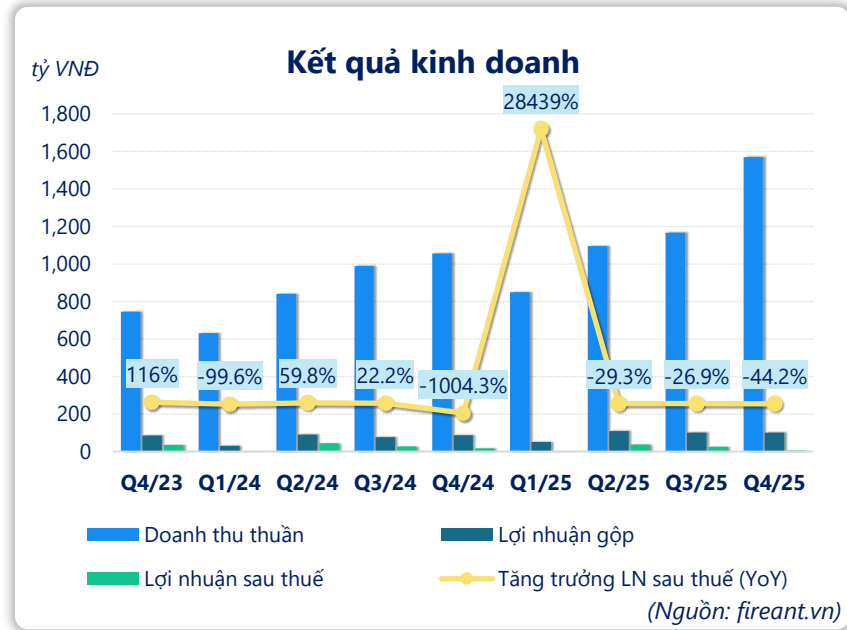


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		24,450
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		31,306
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		23,700
SL cổ phiếu LH		35,099,298
KLGD BQ 20 phiên (CP)		15,940
% sở hữu nước ngoài		1.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		858
P/E		12.4
EPS		1,975

	YTD	1T	3T	6T
CNG	-16.5%	-2.0%	-9.3%	-12.8%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,721	1,366	26.0%
Tài sản ngắn hạn	1,387	1,126	23.2%
Tiền và tương đương tiền	237	341	-30.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	54.3	50.3	8.0%
Phải thu ngắn hạn	989	639	54.7%
Hàng tồn kho	71.8	67.8	5.9%
Tài sản ngắn hạn khác	34.4	27.5	25.2%
Tài sản dài hạn	333	240	38.9%
Phải thu dài hạn	0.58	0.53	10.4%
Tài sản cố định	228	210	8.5%
Bất động sản đầu tư	10.6	11.1	-4.4%
Tài sản dở dang	61.2	12.1	406%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	33.1	6.22	433%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,084	735	47.5%
Nợ ngắn hạn	1,038	715	45.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	17.2	25.8	-33.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	757	627	20.7%
Nợ dài hạn	45.8	20.2	127%
Vay và nợ thuê dài hạn	43.3	17.5	147%
Nguồn vốn chủ sở hữu	637	631	1.0%
Vốn chủ sở hữu	637	631	1.0%
Vốn điều lệ	351	351	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	1,056	850	1,095	1,166	1,570
Giá vốn hàng bán	970	799	986	1,065	1,469
Lợi nhuận gộp	86.8	51.0	109	102	101
Doanh thu HĐTC	0.94	0.63	0.72	1.21	0.70
Chi phí TC	0.86	1.28	1.35	1.26	1.35
Chi phí lãi vay	0.66	1.11	1.13	1.01	0.93
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	33.5	18.3	31.1	38.9	54.1
Chi phí QLDN	31.4	30.2	32.3	30.5	39.2
LN thuần từ HĐKD	22.0	1.91	44.6	32.0	6.63
Lợi nhuận khác	-0.14	0.00	1.96	0.03	-0.39
LN trước thuế	21.8	1.91	46.6	32.1	6.24
Lợi nhuận sau thuế	17.5	1.34	37.2	26.2	4.58
LNST của CĐ cty mẹ	17.5	1.34	37.2	26.2	4.58

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	119	-63.2	76.5	18.9	8.24
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-54.5	8.62	-35.8	-8.86	-82.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-37.1	25.3	-8.25	-8.25	-33.8
Tiền đầu kỳ	313	341	311	344	346
Lưu chuyển tiền thuần	27.8	-29.2	32.5	1.83	-108
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	341	311	344	346	237

(Nguồn: fireant.vn)